

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: (0209) 3.812399 – Website: <https://backanco.com>



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
(Được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)



Bắc Kạn, tháng 4 năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	3
Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành	4
CHƯƠNG II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 4. Cách thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 6. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 8. Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu trong Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 9. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 10. Công bố Biên bản, Nghị quyết.....	6
Điều 11. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	6
Điều 12. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	6
CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	6
Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 14. Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 17. Thông báo về việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 18. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 19. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 20. Hợp Hội đồng quản trị.....	8
Điều 21. Biên bản và Nghị quyết của cuộc họp Hội đồng quản trị	9
Điều 22. Nghị quyết HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	10
Điều 23. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.....	10
Điều 24. Người phụ trách quản trị Công ty	10
CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 25. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát	10
Điều 26. Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát.....	10
Điều 27. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	11
Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	11

Điều 29. Thông báo về việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát...	11
Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	11
Điều 31. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát	11
CHƯƠNG V. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	11
Điều 32. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	11
Điều 33. Tổng Giám đốc.....	12
Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác.....	12
Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp	12
Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp	12
Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn người điều hành doanh nghiệp.....	12
Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	12
Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.....	13
Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	14
Điều 41. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên	14
Điều 42. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.....	15
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	15
Điều 43. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	15
Điều 44. Hiệu lực thi hành	16

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số:...../2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022
của ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn năm 2022)*

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật số: 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - Căn cứ Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Căn cứ Thông tư số: 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
 - Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số:/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 của ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn năm 2022;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn, gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn. Quy chế này là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng

- Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
- Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những thuật ngữ dưới đây được giải thích như sau:

- Điều lệ: Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- Công ty: Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;

- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- BKS: Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- TGD: Tổng Giám đốc;
- Cán bộ quản lý: là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý do HĐQT bổ nhiệm;
- Công ty đại chúng: Công ty Cổ phần được quy định tại Khoản 1, Điều 32 Luật Chứng khoán;
- Người điều hành doanh nghiệp: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác theo quy định của Điều lệ;
- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị: Thành viên được quy định tại Khoản 2, Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- Người phụ trách quản trị Công ty: Người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Người có liên quan: Cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán;
- Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; Luật số: 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020.
- Luật Chứng khoán 2019: Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP: Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán năm 2019;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC: Thông tư số: 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC: Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Các thuật ngữ chưa được giải thích tại Quy chế này được hiểu theo Quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP”.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị Công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Cách thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức theo hình thức trực tuyến, trực tiếp và bỏ phiếu điện tử. Cổ đông có thể đăng ký tham dự Đại hội và thực hiện quyền biểu quyết của mình đối với các vấn đề tại cuộc họp một cách thuận tiện và hiệu quả thông qua gửi thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử,... Đối với trường hợp bỏ phiếu điện tử, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT ban hành “Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử” để thông qua các vấn đề của Đại hội.

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. HĐQT hoặc người triệu tập ĐHĐCĐ phải xác định ngày đăng ký cuối cùng để làm cơ sở lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp và phải được công bố trên trang thông tin của Công ty tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam..

3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập (do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp) không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Thông báo mời họp được đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc, cổ đông, người được cổ đông ủy quyền đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo các cách thức đã ghi trong thông báo mời họp. Việc đăng ký dự họp phải tiến hành đảm bảo tất cả các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Cổ đông đến dự họp muộn vẫn được đăng ký dự họp và được biểu quyết. Chủ tọa không có trách nhiệm phải dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 8. Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu trong Đại hội đồng cổ đông

Việc biểu quyết, bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu trong ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ và quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Công bố Biên bản, Nghị quyết

Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 11. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Công ty có thể lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Việc ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật.

Điều 12. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trình tự, thủ tục phản đối Nghị quyết của ĐHĐCĐ thực hiện theo các quy định tại Điều 22, 23 Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông có quyền yêu cầu thư ký cuộc họp ghi lại ý kiến phản đối vào Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ khi Biên bản được công bố tại cuộc họp hoặc gửi văn bản phản đối đến HĐQT trong vòng 10 ngày kể từ ngày Biên bản được gửi cho các cổ đông hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc kể từ ngày Biên bản được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ sẽ do người yêu cầu chi trả.

4. Trong mọi trường hợp Nghị quyết vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c) Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác;

2. Thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHCCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên được bầu bổ sung, thay thế.

Điều 14. Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty, Quy chế đề cử, ứng cử thành viên HĐQT của Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Trong trường hợp này, các thành viên HĐQT đương nhiệm có quyền đề cử ứng cử viên đạt đủ các tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan. HĐQT sau đó sẽ tiến hành biểu quyết theo nguyên tắc quá bán để chọn ra ứng cử viên có đủ điều kiện trình ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp thành viên HĐQT có đơn từ chức hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên HĐQT thì người quản trị Công ty sẽ thụ lý việc xem xét và trình HĐQT quyết định. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chỉ có hiệu lực khi có Nghị quyết bằng văn bản của HĐQT.

3. Những trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty chỉ được thực hiện khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 17. Thông báo về việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT thông báo đến HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cán bộ quản lý của Công ty phải công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán áp dụng cho Công ty đại chúng và niêm yết.

Điều 18. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. HĐQT có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. HĐQT chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.

Điều 19. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm đưa ra ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp HĐQT hoặc khi lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ cho HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty. Các thành viên HĐQT và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Hợp Hội đồng quản trị

1. HĐQT tổ chức họp theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và thông báo tới tất cả các thành viên HĐQT trước khi diễn ra cuộc họp. Trường hợp không có

người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.

3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự cuộc họp. Việc ủy quyền được thực hiện bằng văn bản và gửi tới Chủ tịch HĐQT trước khi cuộc họp diễn ra. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người không phải là thành viên HĐQT dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT còn lại chấp thuận.

4. Khi xét thấy cần thiết, người triệu tập họp HĐQT có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp HĐQT. Những người được mời họp có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu nhưng không được biểu quyết.

5. Thông báo mời họp và các tài liệu liên quan tới cuộc họp phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và BKS ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp trong cuộc họp đa số thành viên HĐQT không có ý kiến đề nghị tổ chức họp lại vì lý do thông báo mời họp, các tài liệu không được chuyển đến đúng hạn.

6. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến theo Khoản 9, Điều 28 Điều lệ Công ty;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 21. Biên bản và Nghị quyết của cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Biên bản họp HĐQT được lập theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty, Điều 158 Luật Doanh nghiệp và được thông qua tại cuộc họp.

2. Nghị quyết của cuộc họp được thông qua theo nguyên tắc đa số theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.

3. Trên cơ sở Biên bản cuộc họp, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết HĐQT.

4. Công ty phải thông báo các Nghị quyết của HĐQT cho các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp trong vòng 48 giờ kể từ ngày Nghị quyết được thông qua. Nghị quyết HĐQT được công bố thông tin ra công chúng theo các quy định của pháp luật.

Điều 22. Nghị quyết HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Giữa các kỳ họp, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản theo hình thức gửi thư thường hoặc thư điện tử (email). Trong thời hạn tối đa hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thư và đầy đủ tài liệu liên quan thành viên HĐQT có trách nhiệm đưa ra ý kiến biểu quyết. Việc gửi ý kiến trả lời có thể được thực hiện dưới các hình thức:

- Thư tín: Gửi chuyển phát nhanh đến văn phòng Công ty
- Fax: Gửi theo số fax của văn phòng Công ty.
- Email: thành viên HĐQT phải gửi ý kiến biểu quyết qua hộp thư đăng ký chính thức của mình về địa chỉ email của Người quản trị Công ty/Thư ký Công ty hoặc địa chỉ email khác do HĐQT thông báo vào từng thời điểm.

2. Người quản trị Công ty/Thư ký Công ty có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và báo cáo Chủ tịch HĐQT. Biên bản tổng hợp ý kiến các thành viên HĐQT phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT và thư ký Công ty. Văn bản hoặc bản in ý kiến thành viên HĐQT từ email người nhận phải được đính kèm với Biên bản tổng hợp ý kiến.

Điều 23. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. HĐQT có thành lập các tiểu ban theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.
2. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban.

Điều 24. Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm Người quản trị Công ty. Người quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo Khoản 5, Điều 156 Luật Doanh nghiệp và phải công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán áp dụng cho Công ty đại chúng và niêm yết.

2. Tiêu chuẩn, quyền hạn và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện theo Điều 30 Điều lệ Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty được hưởng thù lao theo Quyết định của HĐQT.

CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

Thành viên BKS phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 36 Điều lệ Công ty, Khoản 1, Điều 169 Luật Doanh nghiệp.

Điều 26. Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên BKS được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty, Quy chế đề cử, ứng cử thành viên BKS của Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Trong trường hợp này, các

thành viên BKS đương nhiệm có quyền đề cử ứng cử viên đạt đủ các tiêu chuẩn thành viên BKS theo quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan. BKS sau đó sẽ tiến hành biểu quyết theo nguyên tắc quá bán để chọn ra ứng viên có đủ điều kiện trình ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 27. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc biểu quyết bầu thành viên BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 4, 5 Điều 36 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp thành viên BKS có đơn từ chức thì BKS sẽ quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận. Việc miễn nhiệm chỉ có hiệu lực khi có quyết định bằng văn bản của BKS.

3. Những trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty chỉ được thực hiện khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 29. Thông báo về việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên BKS phải thông báo tới HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, cán bộ quản lý của Công ty phải công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán áp dụng cho Công ty đại chúng và niêm yết.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. BKS có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. BKS có trách nhiệm xây dựng Quy chế hoạt động của BKS.

Điều 31. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Ngoài các quyền và trách nhiệm theo khoản 3 Điều 36 Điều lệ Công ty, Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

- Chuẩn bị và triệu tập cuộc họp BKS; ký Biên bản họp, Nghị quyết cuộc họp của BKS;

- Có quyền đại diện BKS hoặc phân công thành viên khác tham gia họp với HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc bên thứ ba;

- Bỏ phiếu quyết định các cuộc họp xảy ra tình trạng phiếu bầu ngang bằng nhau.

CHƯƠNG V. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 32. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

HĐQT thống nhất và công bố các tiêu chuẩn năng lực về lựa chọn người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. Các tiêu chuẩn năng lực

do HĐQT quyết định phải phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định quản lý nội bộ về nhân sự của Công ty.

Điều 33. Tổng Giám đốc

1. Các vấn đề liên quan tới chức danh Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty.

2. Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch HĐQT.

Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng, bổ nhiệm người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) với Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động với những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thông qua HĐQT.

Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp

HĐQT quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

1. Có đơn từ chức hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty.
2. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ.
3. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.
4. Không hoàn thành công việc hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm phải tuân thủ quy định của Điều lệ, pháp luật lao động.

Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn người điều hành doanh nghiệp

Công ty phải thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp tới HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cán bộ quản lý của Công ty và phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán áp dụng cho Công ty đại chúng và niêm yết.

CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS.

a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT.

b. Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

e. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT hoặc các vấn đề HĐQT phải trình ĐHĐCĐ, HĐQT sẽ quyết định trước khi có ý kiến của BKS. Quyết định của HĐQT không phụ thuộc vào ý kiến của BKS; trong trường hợp ý kiến không thống nhất, ý kiến của BKS sẽ được bảo lưu giải quyết theo các quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

f. HĐQT, thành viên HĐQT phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, kiểm soát viên.

2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT.

a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;

c. Khi thấy cần thiết phục vụ cho công việc giám sát của mình, Trưởng BKS có quyền tham dự hoặc cử thành viên BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT; trong cuộc họp có quyền thảo luận đóng góp ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết.

d. Trường hợp phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp, cán bộ quản lý khác thì BKS phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả, đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ. Sau thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo nếu HĐQT, Tổng Giám đốc không xử lý kịp thời thì BKS có quyền triệu tập họp HĐQT để giải quyết. Nếu vấn đề vẫn không được HĐQT giải quyết thì BKS báo cáo với ĐHĐCĐ trong kỳ họp gần nhất hoặc trong trường hợp cần thiết có thể yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường để giải quyết vấn đề trên.

e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất năm (05) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. HĐQT, thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty.

2. HĐQT quyết định đánh giá, kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc trong các buổi họp HĐQT.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, cụ thể:

- Từ chối thực hiện những quyết định, yêu cầu của HĐQT, thành viên HĐQT nếu thấy vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đồng thời có trách nhiệm báo cáo ngay với HĐQT, BKS.

- Khi thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, phát hiện các vấn đề không có lợi cho Công ty thì phải báo cáo ngay cho HĐQT để xem xét điều chỉnh Nghị quyết, Quyết định. Nếu HĐQT không điều chỉnh thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên BKS.

- Ngoài những công việc phải trình HĐQT, Tổng Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo các quy định tại Điều lệ Công ty, quy trình làm việc được HĐQT ban hành; được quyền quyết định các biện pháp xử lý vượt thẩm quyền trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng,... nhưng phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT.

4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho HĐQT định kỳ hàng tháng, quý, sáu tháng, năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty.

5. Tổng Giám đốc được quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT để xin ý kiến HĐQT quyết định các vấn đề ngoài thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc.

6. Những nội dung Tổng Giám đốc cần xin ý kiến HĐQT phải được gửi trước ít nhất năm (05) ngày làm việc so với ngày dự kiến nhận được phản hồi.

7. Trường hợp Tổng Giám đốc không phải là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc có thể được mời dự họp, có quyền được thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm.

2. Ban kiểm soát, kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty.

3. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ, BKS phải thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ.

Điều 41. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. HĐQT, thành viên HĐQT, BKS, Kiểm soát viên được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, những người quản lý các đơn vị, phòng ban trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt

động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty theo các quy định tại Quy chế này và Điều lệ.

2. Khi có nhu cầu về thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty, ngoài các thông tin, tài liệu đã được Công ty công khai hoặc đã được gửi trong các cuộc họp hoặc gửi theo định kỳ, những người yêu cầu phải gửi phiếu yêu cầu bằng văn bản hoặc thư điện tử cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS, Tổng Giám đốc và người được yêu cầu ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày dự kiến được cung cấp. Phiếu yêu cầu phải nêu rõ danh mục và dạng lưu trữ thông tin, tài liệu, thời gian cung cấp, địa chỉ tiếp nhận và mục đích sử dụng thông tin, tài liệu được yêu cầu.

3. Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS được quyền trao đổi với thành viên HĐQT, kiểm soát viên có nhu cầu về nội dung phiếu yêu cầu và cách thức bảo mật thông tin, tài liệu được yêu cầu.

4. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo phiếu yêu cầu đồng thời đề nghị người yêu cầu kiểm tra, ký và gửi lại phiếu giao nhận thông tin. Ngay sau khi hoàn thành việc cung cấp thông tin, người được yêu cầu phải thông báo cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS và Tổng Giám đốc về danh mục, trích yếu nội dung, hình thức lưu trữ của thông tin, tài liệu đã cung cấp, thời gian và địa điểm cung cấp và bản sao phiếu giao nhận thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được phiếu này từ người yêu cầu cung cấp thông tin.

5. HĐQT, thành viên HĐQT, BKS, Kiểm soát viên phải tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin của Công ty khi đến các địa điểm làm việc của Công ty, tiếp xúc và trao đổi, làm việc với bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc, tham gia các cuộc họp của Tổng Giám đốc với bộ máy giúp việc và tiếp nhận các thông tin, tài liệu được cung cấp.

Điều 42. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

1. HĐQT và BKS tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng và kỷ luật của từng thành viên HĐQT và trình lên ĐHĐCĐ.

2. BKS tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng và kỷ luật của từng thành viên BKS và trình lên ĐHĐCĐ.

3. HĐQT và BKS tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác và trình lên ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT đề xuất, trình ĐHĐCĐ thông qua.

2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa đề cập đến trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm VII Chương và 44 Điều được ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn năm 2022 thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/4/2022.

2. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. HĐQT, Ban điều hành, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện Quy chế này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Vũ Phi Hổ

